UBND TỈNH GIA LAI **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83 /KH-SNNMT	*Gia Lai, ngày 02 tháng 6 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chương trình hành động chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 14/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nội dung, chỉ tiêu, lộ trình thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao trong công tác chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chủ động ngăn chặn, phục hồi các vùng đất nông nghiệp, lâm nghiệp có nguy cơ bị hoang mạc hóa, đảm bảo an ninh nguồn nước, bảo vệ đa dạng sinh học và phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương.

2. Yêu cầu:

Việc thực hiện phải nghiêm túc, xác định rõ lộ trình, giải pháp và trách nhiệm của từng đơn vị trực thuộc. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương, đơn vị chủ rừng và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

Các nhiệm vụ, giải pháp phải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

Lồng ghép chặt chẽ các mục tiêu phòng, chống sa mạc hóa vào kế hoạch sản xuất trồng trọt, bảo vệ rừng, cơ cấu lại ngành nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các phòng, ban chuyên môn của Sở với UBND các xã, phường và các sở, ngành liên quan để tối ưu hóa nguồn lực triển khai.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu đến năm 2030

Khoanh vùng và định vị các khu vực đất bị sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh và theo các vùng kinh tế xã hội ở các mức độ và nguyên nhân; tăng các trạm khí tượng thủy văn phục vụ theo dõi, giám sát và dự báo, cảnh báo sớm.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch các khu vực sa mạc hóa theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hóa đất thông qua sử dụng bền vững đất đai; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước; đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt 46,51%, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, năng suất, hiệu quả rừng trồng và các hệ thống nông lâm kết hợp để giảm thiểu lượng bốc hơi tiềm năng vào mùa khô; bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước.

Tổ chức bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có của tỉnh. Phát triển trồng rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản, carbon rừng. Xây dựng kế hoạch sử dụng hợp lý diện tích đất lâm nghiệp người dân đang sản xuất nông nghiệp để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp mục đích lâm nghiệp và trồng rừng. Trồng rừng mới và trồng rừng luân canh 125.000 ha rừng (bình quân 25.000 ha/năm); sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp 1.150 triệu cây (bình quân 230 triệu cây/năm).

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn, thích ứng với biến đổi khí hậu theo Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 20/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả giai đoạn 2026 - 2030. Theo đó, phấn đấu thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả giai đoạn 2026 - 2030 với diện tích khoảng 26.710 ha (trong đó: đất trồng lúa 3.790 ha, đất trồng mía 7.660 ha, đất trồng sắn 7.745 ha, đất trồng điều 4.020 ha và chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác 3.495 ha).

Xây dựng chính sách hỗ trợ Phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030.

Tăng tỷ lệ áp dụng các hình thức canh tác bền vững; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, giảm dần phân bón vô cơ và hóa chất bảo vệ thực vật; từng bước cải tạo, phục hồi đất phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững; gia tăng diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

b) Mục tiêu đến năm 2050

Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu; phục hồi một phần diện tích đất bị thoái hóa nhẹ, trung bình và ngăn ngừa sự gia tăng đất thoái hóa nặng, góp phần đạt mục tiêu chống sa mạc hóa trên cả nước.

Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả diện tích đất trồng trọt, hạn chế gia tăng diện tích đất bị thoái hóa. Tổ chức sản xuất trồng trọt bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi diện tích cây trồng thường xuyên bị hạn, diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, có đầu ra ổn định, phù hợp với nhu cầu thị trường.

Thu nhập bình quân của người dân sống tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi sa mạc hoá không thấp hơn 50% mức thu nhập bình quân đầu người của cả nước.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp bền vững

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, lựa chọn và sử dụng các giống cây trồng chịu hạn, thích ứng với điều kiện sinh thái từng vùng. Cụ thể:

- Vùng các xã, phường phía Đông tỉnh: Chuyển dịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng phù hợp để tránh thiên tai, hạn và mặn; phát triển mô hình canh tác sử dụng nước tiết kiệm; phát triển một số loài cây trồng chủ lực như lúa, ngô, lạc, rau các loại, sắn, dừa; chuyển giao các giống cây trồng mới có khả năng chịu hạn và các mô hình canh tác bền vững.

- Vùng các xã, phường phía Tây tỉnh: Phát triển mô hình canh tác sử dụng nước tiết kiệm; phát triển vùng chuyên canh một số loài cây trồng chủ lực như cà phê, hồ tiêu, cao su, điều, mía, sắn và cây ăn quả; chuyển giao các giống cây trồng mới có khả năng chịu hạn và các mô hình canh tác trồng trọt bền vững.

Áp dụng các giải pháp canh tác bền vững, giảm thoái hóa đất như: Luân canh, xen canh cây trồng; tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, các chế phẩm sinh học; áp dụng quản lý sức khỏe cây trồng theo IPM, IPHM…

Lồng ghép các nội dung chống sa mạc hóa vào kế hoạch sản xuất trồng trọt và kế hoạch chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả hàng năm.

Tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền cho người dân trên địa bàn về trồng trọt thích ứng với hạn hán và sử dụng đất nông nghiệp bền vững. Triển khai các mô hình trồng trọt theo hướng hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn và áp dụng các phương pháp tưới tiết kiệm nước.

* Giao Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chủ trì tham mưu Sở phối hợp với các địa phương thực hiện.

2.2. Nhiệm vụ quản lý và bảo vệ tài nguyên

a) Quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng

Thực hiện bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có thông qua mô hình đồng quản lý và lâm nghiệp cộng đồng. Triển khai các dự án trồng rừng, phục hồi rừng tại các khu vực đồi núi trọc để hạn chế suy giảm độ phì của đất.

Đẩy mạnh thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050. Ưu tiên trồng các loại cây dược liệu bản địa có giá trị kinh tế cao dưới tán rừng tự nhiên và rừng trồng (như sa nhân, mật nhân...) để vừa tạo thu nhập cho người dân, vừa giữ ẩm và bảo vệ cấu trúc đất.

Sử dụng ảnh vệ tinh kết hợp với thiết bị bay không người lái (Drone) để giám sát biến động diện tích rừng và tình trạng thoái hóa đất theo thời gian tại các "điểm nóng" về khô hạn.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng của các đơn vị chủ rừng (Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn,

Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Biển Hồ,..) sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt. Phát triển các mô hình du lịch bền vững tại các khu vực rừng đầu nguồn, khu bảo tồn để nâng cao nhận thức cộng đồng và tạo nguồn thu tái đầu tư cho công tác bảo vệ rừng.

Nghiên cứu và triển khai các dự án chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng (tín chỉ carbon). Đây sẽ là nguồn tài chính bền vững để tái đầu tư cho việc trồng và phục hồi rừng, thay vì chỉ phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

Gia tăng diện tích rừng, đặc biệt là diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

* Giao Chi cục Kiểm lâm phối hợp với các đơn vị chủ rừng, các địa phương tham mưu Sở phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị chủ rừng thực hiện.

b) Bảo vệ nguồn nước: Xây dựng mới và nâng cấp các hồ chứa nước thủy lợi hiện có nhằm đảm bảo cung cấp nước tưới và sinh hoạt trong mùa khô hạn.

* Giao Chi cục Thủy lợi, phòng Tài nguyên nước và khí tượng thủy văn trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao tham mưu Sở phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện.

c) Bảo vệ môi trường

Lồng ghép nội dung chống sa mạc hóa vào Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

Thành lập các khu bảo tồn đất ngập nước đối với các khu vực được đưa vào quy hoạch tỉnh.

Tuyên truyền, phổ biến các nội dung về phòng, chống, khắc phục sa mạc hóa vào các đợt tuyên truyền, tài liệu tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học cho người dân, cán bộ quản lý môi trường, cán bộ hội đoàn thể.

* Giao Chi cục Bảo vệ môi trường chủ trì tham mưu Sở phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện.

d) Xây dựng cơ chế phối hợp với các tỉnh giáp ranh (Đắk Lắk, Quảng Ngãi) trong việc quản lý nguồn nước liên tỉnh và bảo vệ các dải rừng phòng hộ giáp ranh nhằm ngăn chặn hiệu quả quá trình sa mạc hóa diện rộng.

* Giao Chi cục, phòng chuyên môn tham mưu Sở phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện đối với lĩnh vực được phân công.

1.3. Danh mục các nhiệm vụ ưu tiên, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện, thứ tự ưu tiên giai đoạn theo các nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các chi cục, đơn vị trực thuộc Sở căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, chủ động triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông

nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Kiểm lâm) trước ngày 25 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, tham mưu báo cáo UBND tỉnh trước ngày 05 tháng 12 theo Kế hoạch.

Giao Chi cục Kiểm lâm làm đầu mối tổ chức theo dõi, báo cáo đánh giá quá trình thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch của Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các đơn vị chủ rừng (thực hiện);
- Các phòng, chi cục trực thuộc Sở (thực hiện);
- Lưu: VT, CCKL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH GIA LAI

Nguyễn Văn Hoan

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày tháng 6 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
A	**Các nhiệm vụ phối hợp với các Bộ, ngành**	**Cơ quan giao chủ trì phối hợp**	**Cơ quan phối hợp**	
I	**Khoanh vùng và định vị các khu vực đất bị sa mạc hoá toàn tỉnh và theo các vùng kinh tế - xã hội ở các mức độ và nguyên nhân phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm và theo dõi, giám sát**			
1	Phối hợp điều tra, đánh giá, khoanh vùng các khu vực đất bị sa mạc hoá trên địa bàn tỉnh và theo các vùng kinh tế xã hội.	Chi cục Quản lý đất đai	UBND cấp xã	2026 - 2028
2	Phối hợp định vị và hệ thống hoá cơ sở dữ liệu các khu vực đất bị sa mạc hoá trên toàn tỉnh và theo các vùng kinh tế xã hội.	Chi cục Quản lý đất đai	UBND cấp xã	2027 - 2028
3	Tự động hóa trong cảnh báo, dự báo sớm khô hạn và thoái hoá đất theo nguyên nhân.	Chi cục Quản lý đất đai	UBND cấp xã	2027 - 2028
4	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng sử dụng đất đai, nguồn nước và tài nguyên rừng theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hóa đất.	Chi cục Quản lý đất đai	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	2028 - 2030
II	**Tăng cường phòng, chống sa mạc hóa thông qua tuyên truyền, nghiên cứu, đào tạo và tập huấn**			
5	Xây dựng các sản phẩm truyền thông; đẩy mạnh công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền về phòng, chống, khắc phục sa mạc hoá.	Các chi cục, phòng chuyên môn liên quan	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; UBMTTQ Việt Nam tỉnh; cơ quan báo chí tỉnh	2026 - 2035
6	Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực chuyên môn về nhận biết; điều tra, đánh giá và xác định các khu vực bị sa mạc hoá.	Các chi cục, phòng chuyên môn liên quan	UBND cấp xã	2026 – 2027

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
7	Đào tạo, tập huấn biện pháp kỹ thuật cải tạo, phục hồi đất bị thoái hoá do các nguyên nhân khác nhau.	Các chi cục, phòng chuyên môn liên quan	UBND cấp xã	2031 - 2035
III	**Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất; trang thiết bị phục vụ dự báo và cảnh báo sớm tại các khu vực đất bị thoái hoá**			
8	Xây dựng, nâng cấp mở rộng hệ thống trạm quan trắc chỉ tiêu lượng mưa và lượng bốc hơi tiềm năng phục vụ dự báo và cảnh báo sớm khô hạn tại các khu vực đất bị thoái hoá.	Chi cục Thủy lợi, phòng Tài nguyên nước và khí tượng thủy văn và các đơn vị liên quan	Sở Xây dựng, Sở Tài chính; UBND cấp xã	2026 - 2050
9	Xây dựng, nâng cấp, tu sửa trang bị thiết bị hiện đại cho các trạm khí tượng thuỷ văn phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm hạn hán, ngập úng, xâm nhập mặn, ngập phèn, lũ quét, sạt lở...	Chi cục Thủy lợi, phòng Tài nguyên nước và khí tượng thủy văn và các đơn vị liên quan	Sở Xây dựng, Sở Tài chính; UBND cấp xã	2026 - 2050
IV	**Tăng cường công tác điều tra, theo dõi các nguyên nhân sa mạc hoá và giải pháp phục hồi, cải tạo, ngăn ngừa**			
10	Điều tra, xác định các nguyên nhân sa mạc hoá, đánh giá tác động, rủi ro và giải pháp phòng, chống.	Các chi cục, phòng chuyên môn liên quan	UBND cấp xã	2026 - 2028
11	Điều tra, phân chia điều kiện lập địa theo mức độ thích hợp cho các loài cây trồng nông nghiệp và lâm nghiệp thích ứng với điều kiện khô hạn và thoái hoá đất.	Các chi cục: Kiểm lâm, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	UBND cấp xã	2026 - 2030
12	Điều tra, đánh giá, phân vùng, phân cấp khí tượng thuỷ văn và cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, hạn hán tại các khu vực sa mạc hoá.	Các chi cục, phòng chuyên môn liên quan	UBND cấp xã	2026 - 2030
V	**Cải tạo và phục hồi đất bị thoái hoá thông qua các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp thông minh**			
13	Chuyển đổi mô hình canh tác, sản xuất nông nghiệp xanh, bảo vệ đất và nguồn nước, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái	Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và các đơn vị liên quan	UBND cấp xã	2026 - 2050
VI	**Nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế lượng bốc hơi tiềm năng; tập trung bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước các hồ, đập; tăng cường bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển chắn gió, chắn cát**			

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
14	Xây dựng, nhân rộng các mô hình quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững đất lâm nghiệp đồi núi trống, hoang hóa, đất dốc, chống xói mòn và nâng cao độ phì đất ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ tổng hợp	Chi cục Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng	UBND cấp xã	2030 - 2050
15	Nhân rộng diện tích sử dụng đất áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính và tăng hấp thụ các-bon trong lâm nghiệp tạo lợi ích "kép" trong tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng và hiệu quả phục hồi đất ở các khu vực sa mạc hóa	Chi cục Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng	UBND cấp xã	2026 - 2050
B	**Nhiệm vụ do UBND tỉnh chủ trì thực hiện**	**Cơ quan chủ trì**	**Cơ quan phối hợp**	
Nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế lượng bốc hơi tiềm năng; tập trung bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước các hồ, đập; tăng cường bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển chắn gió, chắn cát.				
1	Trồng rừng phòng hộ bán ngập tại các hồ chứa nước lớn và vừa	Các đơn vị chủ rừng	UBND các xã, phường	2030 - 2050
2	Xây dựng mô hình tái tạo rừng đa tầng tán tiệm cận rừng nhiệt đới trên lưu vực vùng đầu nguồn	Các đơn vị chủ rừng	UBND các xã, phường	2026 - 2045
3	Xây dựng, nhân rộng các mô hình phục hồi, cải tạo đất thông qua tiếp cận cảnh quan bền vững	Các đơn vị chủ rừng	UBND các xã, phường	2026 - 2045
4	Trồng rừng trên cát, khu vực khô hạn, thoái hóa đất áp dụng các công nghệ tiên tiến, tiến bộ kỹ thuật, giống mới tăng hiệu quả phục hồi đất và hiệu quả phòng hộ	Các đơn vị chủ rừng	UBND các xã, phường	2030 - 2045